

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST
Ngày 12-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh ngày 13/4/1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S2 (đã chết) và bà Bùi Thị L2, sinh năm 1955; có vợ là Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1979; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021; chuyển tạm giam từ ngày 17/8/2021; có mặt.

2. Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 21/5/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn V2 (đã chết) và bà Lương Thị T5, sinh năm 1952; có chồng là Trần Văn C, sinh năm 1977; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm

2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2021; có mặt.

3. Bùi Văn C1, sinh ngày 15/11/1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H4, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Đ3, sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Hồng T6, sinh năm 1988; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bùi Đình T, sinh ngày 19/8/1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Đình A, sinh năm 1946 và bà Đồng Thị D (đã chết); có vợ là Hoàng Thị N4, sinh năm 1973; có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Đồng Văn V, sinh ngày 24/4/1976 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn M2, sinh năm 1952 và bà Bùi Thị D1, sinh năm 1952; có vợ là Trần Thị T4, sinh năm 1982; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án phúc thẩm số 94 ngày 20/12/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, 12 tháng tù về tội “Gá bạc”, tổng hợp hình phạt là 18 tháng tù, (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021; chuyển tạm giam từ ngày 17/8/2021; có mặt.

6. Hoàng Văn N, sinh ngày 20/4/1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Việt T 1, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân T3 (đã chết) và bà Ngô Thị L1, sinh năm 1953; có vợ là Phạm Thị H2, sinh năm 1981; có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Phạm Văn V1, sinh ngày 24/9/1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã T, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị N3, sinh năm 1958; có vợ là Phạm Thanh T3, sinh năm 1995; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Văn N1, sinh ngày 20/9/1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 9, phường H, quận D, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải Đ3, sinh năm 1938 và bà Hoàng Thị C4, sinh năm 1941; có vợ là Nguyễn Thị Thu H7, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Lưu Văn C2, sinh ngày 01/12/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Nuôi, sinh năm 1957 và bà Trần Thị Hoàn, sinh năm 1959; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án sơ thẩm số 52 ngày 10/4/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Trần Văn T1, sinh ngày 26/01/1973 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Việt T 1, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn S3, sinh năm 1948 và bà Bùi Thị K, sinh năm 1948; có vợ là Bùi Thị S4, sinh năm 1985; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 03 ngày 18/01/2007 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Nguyễn Đức V, sinh ngày 20/10/1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Đông Tác 1, xã Đ, huyện K, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L5 (đã chết) và bà Vũ Thị X, sinh năm 1936; có vợ là Nguyễn Thị T8, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

11/8/2021 đến ngày 17/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10/8/2021 Trần Văn C gọi điện thoại rủ Hoàng Văn N đến nhà đánh bạc, N đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N đi bộ đến nhà C, cùng lúc đó Đồng Văn V điều khiển xe mô tô BKS:16F7-4249, Phạm Văn V1 điều khiển xe mô tô BKS:15K1-273.94; Bùi Văn C1 điều khiển xe mô tô BKS:16P7-5924 cùng đến nhà C để đánh bạc do trước đó đã từng đánh bạc ở đây. Khi cả 04 người đang ngồi uống nước thì C nói “mưa gió anh em đánh tý chẵn cho vui”, mọi người đồng ý. C chuẩn bị 01 bộ bài chẵn và 01 đĩa sù có sẵn trong nhà để C1, V, V1 và Hoàng Văn N đánh bạc bằng hình thức đánh chẵn được thua bằng tiền tại chiếu trải sẵn giữa nhà. Cách thức đánh chẵn quy ước như sau: ù xuyên là 60.000 đồng, ù có dịch được thêm 20.000 đồng, ù có cước sắc thì được 200.000 đồng. Chơi được vài ván mọi người nhờ C ngồi chia bài hộ. C đồng ý và lấy thêm 01 bộ bài chẵn, 01 đĩa sù có sẵn trong nhà, ngồi cạnh chiếu đánh chẵn chia bài cho cả nhóm đánh bạc. Mỗi người đã bỏ ra 100.000 đồng trả cho C chủ nhà, tổng cộng là 400.000 đồng ở vị trí C ngồi.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Bùi Đình T điều khiển xe ô tô BKS:15A-025.05 và Nguyễn Văn N1 đi xe taxi đến nhà C để cùng đánh bạc. C hỏi T và N muốn đánh bạc bằng hình thức gì thì N và T thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền nên C đi lấy 01 bộ bài T1 lơ khơ để cho T và N đánh bạc tại nền nhà cạnh giường ngủ. Một lúc sau Lưu Văn C2, Nguyễn Đức V, Trần Văn T1 lần lượt đi bộ đến nhà C và cùng tham gia đánh liêng với N và T. Cách thức đánh liêng quy ước như sau: tỉ lệ cược cho mỗi ván là 50.000 đồng đến 200.000 đồng, người nào có sấp thường được lấy thêm của mỗi người chơi khác 100.000 đồng, người nào có “sáp át” được lấy thêm của mỗi người chơi khác 200.000 đồng. Ai được sấp thì sẽ trả cho C chủ nhà 50.000 đồng/01 ván sấp thường, 100.000đồng/01 ván sấp át; đến khi kết thúc không ai được sấp thì mỗi người chơi bỏ ra trả cho C chủ nhà 100.000 đồng. Trong khi đánh bạc N được 01 ván sấp, đã bỏ ra bên ngoài trả cho C 50.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, C còn có hành vi phục vụ thuốc lá, nước cho các đối tượng. Hoàng Thị Thu H (là vợ của C) tiếp nhận ý chí của C và đồng ý để C tổ chức cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình, cùng phục vụ thuốc nước cho các đối tượng đánh bạc để thu lợi bất chính. Trong khi đánh bạc không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 15 giờ 10 phút cùng ngày thì bị C an huyện K phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tại chiều bạc thứ nhất (chiều đánh chắn) 40.900.000 đồng, 02 bộ bài chắn mỗi bộ có 100 quân bài, 02 đĩa sù, 700.000 đồng tại vị trí Trần Văn C đang ngồi; và thu giữ 19.400.000 đồng trong đệm bên cạnh chiều đánh chắn. Tại chiều bạc thứ hai (chiều đánh liêng) 29.300.000 đồng, 01 bộ bài T1 lơ khơ có 52 quân bài, 01 đĩa sù; và thu giữ 56.400.000 đồng xung quanh giường gần chiều đánh liêng. Thu giữ của C 01 ví da màu nâu bên trong có 2.563.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone. Thu giữ của Hoàng Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone. Toàn bộ vật chứng trên Cơ quan điều tra chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện K để xử lý theo vụ án.

- Cơ quan điều tra đã xác minh trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi đánh bạc cho những chủ sở hữu hợp pháp: Trả lại cho chị Trần Thị T2, là vợ của Đồng Văn V 36.120.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe mô tô Honda Dream BKS:16F7-4249; trả lại Phạm Văn V1 25.230.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe mô tô Yamaha Exciter BKS:15K1-273.94; trả lại Bùi Văn C1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; trả lại Trần Văn T1 135.000 đồng; trả lại Nguyễn Văn N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy; trả lại Lưu Văn C2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; trả lại Nguyễn Đức V 13.070.000 đồng, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Nokia; trả lại Bùi Đình T 01 xe ô tô Hyundai Tucson BKS:15A-025.05 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS:15A-025.05, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 giấy phép lái xe mô tô đều tên là Bùi Đình T).

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Jupiter BKS:16P7-5924 thu giữ của Bùi Văn C1, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc phương tiện nên tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKSKT ngày 13/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Hoàng Thị Thu H đều về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Bùi Văn C1, Bùi Đình T, Đồng Văn V, Hoàng Văn N, Phạm Văn V1, Nguyễn Văn N1, Lưu Văn C2, Trần Văn T1, Nguyễn Đức V đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận:

- Trần Văn C và Hoàng Thị Thu H thống nhất khai: C và H là vợ chồng, ngôi nhà bị cáo C, H đang quản lý, sử dụng thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị L2 là mẹ đẻ bị cáo C. Khoảng 09 giờ ngày 10/8/2021 C trực tiếp gọi điện thoại rủ Hoàng Văn N đến nhà đánh bạc. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, có Hoàng Văn N, V, V1 và C1 cùng đến nhà C để đánh bạc do trước đó đã nhiều lần đánh bạc ở đây. Khi cả 04 người đang ngồi uống nước thì C nói “mưa gió anh em đánh tý

chấn cho vui”, mọi người đồng ý. C chuẩn bị 01 bộ bài chấn và 01 đĩa sù có sẵn trong nhà để Hoàng Văn N, V, V1 và C1 cùng đánh bạc bằng hình thức đánh chấn được thua bằng tiền tại gian phòng khách. Chơi được vài ván mọi người nhờ C ngồi chia bài. C đồng ý và lấy thêm 01 bộ bài chấn và 01 đĩa sù có sẵn trong nhà, ngồi cạnh chiếu đánh chấn chia bài cho cả nhóm đánh bạc. Mỗi người đã bỏ ra 100.000 đồng trả cho C, tổng cộng là 400.000 đồng ở vị trí C ngồi. Quá trình đánh bạc, C còn có hành vi phục vụ thuốc lá, nước cho các đối tượng. H biết việc C tổ chức đánh bạc và đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình, cùng phục vụ thuốc, nước cho các đối tượng đánh bạc để thu lợi bất chính số tiền 450.000 đồng tại hai chiếu bạc. Trong khi đánh bạc tại nhà C, H không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 15 giờ 10 phút cùng ngày thì bị C an huyện K phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

- Đồng Văn V, Hoàng Văn N, Phạm Văn V1 và Bùi Văn C1 khai nhận thống nhất như lời khai của C, H: Khoảng 09 giờ ngày 10/8/2021 N nhận được điện thoại của C rủ đến nhà C đánh bạc, khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày N đến thì có V, V1 và C1 cùng đến nhà C để đánh bạc do trước đó đã nhiều lần tham gia đánh bạc ở đây. Khi cả 04 người đang ngồi uống nước thì C nói “mưa gió anh em đánh tý chấn cho vui”, mọi người đồng ý. C chuẩn bị 01 bộ bài chấn và 01 đĩa sù có sẵn trong nhà để cả nhóm đánh bạc tại gian phòng khách. Chơi được vài ván mọi người nhờ C ngồi chia bài. C đồng ý và lấy thêm 01 bộ bài chấn và 01 đĩa sù có sẵn trong nhà, ngồi cạnh chiếu đánh chấn chia bài cho cả nhóm đánh bạc. C1 mang theo 16.900.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; V mang theo 45.120.000 đồng, sử dụng 9.000.000 đồng để đánh bạc; Hoàng Văn N mang theo 8.700.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; V1 mang theo 32.230.000 đồng, sử dụng 7.000.000 đồng để đánh bạc; khi bị bắt quả tang không ai biết thắng thua. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc dưới hình thức đánh chấn là 41.600.000 đồng. Trong khi đánh bạc mỗi người đã bỏ ra 100.000 đồng trả cho C, H chủ nhà, tổng cộng là 400.000 đồng ở vị trí C ngồi. Ngoài ra, C, H còn có hành vi phục vụ thuốc lá, nước cho các đối tượng đánh bạc. H biết việc C tổ chức đánh bạc và đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà để thu lợi bất chính. Trong khi đánh bạc tại nhà C, H không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 15 giờ 10 phút cùng ngày thì bị C an huyện K phát hiện, bắt quả tang.

- Bùi Đình T, Nguyễn Văn N1, Lưu Văn C2, Nguyễn Đức V và Trần Văn T1 thống nhất khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 10/8/2021, T, Nguyễn Văn N1, T1, C2, Văn lần lượt đến nhà C để cùng đánh bạc. C là người hỏi các bị cáo đánh bạc bằng hình thức gì rồi lấy ra 01 bộ bài T1 lơ khơ để cả nhóm đánh liêng tại nền nhà cạnh giường ngủ. T mang theo 14.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; C2 mang theo 6.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; Nguyễn Văn N1 mang theo 6.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc; T1 mang theo 3.135.000 đồng, sử

dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Đức V mang theo 15.670.000 đồng, sử dụng 2.600.000 đồng để đánh bạc; khi bắt quả tang không ai biết thắng thua. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc dưới hình thức đánh liêng là 31.600.000 đồng. Trong khi đánh bạc cả nhóm ai được sếp thì trả cho C, H chủ nhà 50.000 đồng/01 ván sếp thường, 100.000 đồng/01 ván sếp át; đến khi kết thúc không ai được sếp thì mỗi người chơi phải trả cho C, H chủ nhà 100.000 đồng. Quá trình chơi N được 01 ván sếp, đã bỏ ra bên ngoài trả cho C 50.000 đồng. Ngoài ra C, H còn có hành vi phục vụ thuốc lá, nước cho các đối tượng đánh bạc. H biết việc C tổ chức đánh bạc và đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà để thu lợi bất chính. Trong khi đánh bạc tại nhà C, H không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản. Đến 15 giờ 10 phút cùng ngày thì bị C an huyện K phát hiện, bắt quả tang.

Cả 9 bị cáo đánh bạc và bị cáo C, H đều không biết số tiền 19.400.000 đồng thu giữ trong đệm bên cạnh chiếu đánh chắn và 56.400.000 đồng thu giữ xung quanh giường cạnh chiếu đánh liêng là tiền của ai.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Văn C mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Phạt tiền bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Thị Thu H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt tiền bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đồng Văn V mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Đình T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”.
Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021). Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn C1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Hoàng Văn N mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Phạm Văn V1 mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Văn N1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Trừ cho mỗi bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021). Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 5% đến 10% để sung C quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Lưu Văn C2 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

+ Trần Văn T1 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Trừ cho mỗi bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021). Khấu trừ thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo từ 5% đến 10% để sung C quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền Nguyễn Đức V từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 146.700.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc và số tiền thu giữ xung quanh chiếu bạc nhưng không xác định được nguồn gốc tiền của ai để sung C quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Hoàng Văn N là phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài chắn mỗi bộ có 100 quân bài, 01 bộ bài tứ lơ khơ có 52 quân bài, 03 đĩa sù.

+ Trả lại cho bị cáo C số tiền 2.563.000 đồng và 01 ví da màu nâu vì không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội, nhưng tạm giữ số tiền 2.563.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/8/2021 Trần Văn C đã có hành vi rủ rê, cung cấp bài, đĩa sù; phục vụ thuốc, nước; dùng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để tổ chức cho 09 đối tượng gồm Hoàng Văn N, Đồng Văn V, Phạm Văn V1, Bùi Văn C1, Trần Văn T1, Nguyễn Văn N1, Bùi Đình T, Lưu Văn C2 và Nguyễn Đức V đánh bạc bằng hình thức đánh “chắn”, đánh “liêng” được thua bằng tiền tại hai chiếu bạc với tổng số tiền bị thu giữ tại mỗi chiếu bạc từ 5.000.000 đồng trở lên và thu lời bất chính 450.000 đồng. Hoàng Thị Thu H biết việc C tổ chức cho các đối tượng đánh bạc, đồng ý để các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình, cùng C phục vụ thuốc, nước.

H có sự thống nhất ý chí với vai trò giúp sức cùng C tổ chức cho các đối tượng đến đánh bạc tại nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để thu lợi bất chính. Hoàng Văn N, Đồng Văn V, Bùi Văn C1, Phạm Văn V1, Bùi Đình T, Nguyễn Văn N1, Trần Văn T1, Lưu Văn C2, Nguyễn Đức V đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh “chắn, liêng” được thua bằng tiền tại nhà ở của vợ chồng C, H với tổng số tiền tại hai chiều bạc: chiều bạc đánh chắn là 41.600.000 đồng, chiều bạc đánh liêng là 31.600.000 đồng, bị bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Trần Văn C và Hoàng Thị Thu H đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của Bùi Văn C1, Đồng Văn V, Hoàng Văn N, Phạm Văn V1, Bùi Đình T, Lưu Văn C2, Nguyễn Văn N1, Trần Văn T1 và Nguyễn Đức V đã thỏa mãn cấu thành đồng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân. Đồng thời là điều kiện, nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, nên cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, bị cáo C, H đã có hành vi rủ rê, chuẩn bị 02 bộ bài chắn, 01 bộ bài tứ lơ khơ, 03 đĩa sù; phục vụ thuốc, nước; sử dụng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình để tổ chức cho 09 bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh “chắn, liêng” tại hai chiều bạc để thu lợi bất chính số tiền 450.000 đồng, cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy nhân thân bị cáo C, H chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; gia đình đều có đơn xin bảo lãnh, xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo khác tham gia đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà C, H:

- Bị cáo C1 tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 16.900.000 đồng đánh bạc nhiều nhất, nên C1 phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong đồng phạm tội “Đánh bạc”; cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 14.000.000 đồng đánh bạc; cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có bố đề tham gia kháng chiến được tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhất. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo V tham gia đánh bạc tích cực, dùng số tiền 9.000.000 đồng đánh bạc, nhân thân đã có 01 tiền án theo bản án phúc thẩm số 94/2017/HSPT ngày 20/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 12 tháng tù về tội “Gá bạc”, tổng hợp hình phạt là 18 tháng tù giam (đã được xóa án tích); nhưng cần đánh giá nhân thân bị cáo xấu. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo và cần bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục trở thành C dân tốt. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Hoàng Văn N, V1, Nguyễn Văn N1 đều tham gia đánh bạc tích cực. Bị cáo Hoàng Văn N dùng số tiền 8.700.000 đồng đánh bạc, bị cáo V1 dùng số tiền 7.000.000 đồng đánh bạc, Nguyễn Văn N1 dùng số tiền 6.000.000 đồng đánh bạc; cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đều có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Hoàng Văn N có thời gian tham gia quân đội tại đảo Trường Sa, có ông nội Hoàng Văn Quang là liệt sỹ. Bị cáo Nguyễn Văn N1 có bố đề là thương binh; gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Các bị cáo C2, T1 đều tham gia đánh bạc tích cực. Bị cáo C2 dùng số tiền 6.000.000 đồng đánh bạc, nhân thân có 01 tiền án theo Bản án số 52/2015/HSST ngày 10/4/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích). Bị cáo T1 dùng số tiền 3.000.000 đồng đánh bạc, nhân thân có 01 tiền án theo bản án số 03/2007/HSST ngày 18/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 15 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo (đã được xóa án tích), cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vai trò của các bị cáo thấp hơn các bị cáo khác, đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có mẹ đẻ là cựu chiến binh, bố bị khuyết tật nặng, gia đình đang thờ cúng bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng; gia đình các bị cáo đều có đơn xin bảo lãnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Văn dùng số tiền 2.600.000 đồng đánh bạc ít hơn các bị cáo khác, cần áp dụng hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo tham gia trong quân đội, có bố mẹ đẻ được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Hạng Ba. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 322 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo C, H, C1, V, T bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn N1, V1, C2, T1 bị khấu trừ thu nhập, bị cáo Văn hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn N, Nguyễn Văn N1, V1, C2, T1 khai nhận có thu nhập kinh tế ổn định hàng tháng phù hợp với các tài liệu xác minh tại địa phương; cần khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của mỗi bị cáo để sung công quỹ Nhà nước:

Đối với ngôi nhà bị cáo C, H sử dụng tổ chức cho các bị cáo đánh bạc thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị L2 là mẹ đẻ bị cáo C. Khi các bị cáo đánh bạc thì bà L2 không có mặt ở nhà, không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình bị bắt quả tang, nên không đặt ra tịch thu tài sản để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 146.700.000 đồng của các bị cáo dùng vào đánh bạc và tiền thu giữ xung quanh chiếu bạc chắn, liêng nhưng không xác định được nguồn gốc là tiền của ai để sung công quỹ Nhà nước.

- Cần tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Hoàng Văn N là phương tiện phạm tội để sung công quỹ Nhà nước.

- Cần tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài chắn mỗi bộ có 100 quân bài, 01 bộ bài tứ lơ khơ có 52 quân bài, 03 đĩa sù.

- Trả lại cho bị cáo C số tiền 2.563.000 đồng và 01 ví da vì không có cơ sở xác định dùng vào việc phạm tội, nhưng tạm giữ số tiền 2.563.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Văn C 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/8/2021.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Hoàng Thị Thu H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đồng Văn V 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/8/2021.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Đình T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn C1 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo C1 cho UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Lưu Văn C2 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Trần Văn T1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Lưu Văn C2, Trần Văn T1 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Lưu Văn C2, Trần Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Hoàng Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Phạm Văn V1 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Nguyễn Văn N1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho bị cáo 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 11/8/2021 đến ngày 17/8/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Hoàng Văn N tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Hoàng Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Văn V1 tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Phạm Văn V1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Văn N1 tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Phạt tiền: Nguyễn Đức V 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Phạt tiền các bị cáo đề sung C quỹ Nhà nước: Trần Văn C 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), Hoàng Thị Thu H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Phạt tiền các bị cáo đề sung C quỹ Nhà nước: Bùi Văn C1 10.000.000đ (mười triệu đồng), Đồng Văn V 10.000.000đ (mười triệu đồng), Bùi Đình T 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Hoàng Văn N với thời gian 24 (hai mươi bốn) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Phạm Văn V1 với thời gian 24 (hai mươi bốn) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 800.000đ (tám trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Lưu Văn C2 với thời gian 18 (mười tám) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn N1 với thời gian 12 (mười hai) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

+ Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Trần Văn T1 với thời gian 15 (mười lăm) tháng, mỗi tháng bị khấu trừ 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong phần phạt tiền, khấu trừ thu nhập thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 146.700.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước (theo ủy nhiệm chi tại Kho bạc Nhà nước huyện K ngày 18/10/2021).

+ Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Hoàng Văn N để sung công quỹ Nhà nước (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn mỗi bộ có 100 quân bài, 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài, 03 đĩa sù (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại cho bị cáo C số tiền 2.563.000đ (hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) (theo ủy nhiệm chi tại Kho bạc Nhà nước huyện K ngày 18/10/2021), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo C 01 ví da màu nâu (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Các bị cáo Trần Văn C, Hoàng Thị Thu H, Bùi Văn C1, Đồng Văn V, Hoàng Văn N, Phạm Văn V1, Bùi Đình T, Lưu Văn C2, Nguyễn Văn N1, Trần Văn T1 và Nguyễn Đức V: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- C an huyện K + PV 06;
- Trại giam HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ, xã T;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

